

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 18-12-2024

V/v: “Ly hôn, con chung, nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như

Ông Dương Văn Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Triệu Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, con chung, nợ chung”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nông Thị B – Sinh năm 1995; Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Mông Văn C- sinh năm 1994; Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện Q, Cao Bằng; Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Nông Thị B1, Nông Văn K; cùng địa chỉ: L, Hồ N, Q, Cao Bằng; Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Mông Thị Đ; địa chỉ: T, Hồ N, Q, Cao Bằng. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nông Thị B, chị Nông Thị B1 và ông Nông Văn K:* Ông Nông Văn D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Mông Văn C và bà Mông Thị Đ:* Bà Lý Thị N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C; Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nông Thị Bích .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nông Thị B trình bày:*

Tôi kết hôn với anh Nông Văn C1 vào ngày 16/3/2016, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc từ sau khi kết hôn cho đến tháng 12 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn tới xô xát, anh C1 có nhiều lần bạo lực và đánh đập tôi. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn. Tôi có gửi 05 bản ảnh chụp các vết thương, đơn thuốc để chứng minh là tôi bị anh C1 đánh đập. Đây là những thương tích do anh C1 đánh tôi vào tháng 12 năm 2022, tôi không thông báo cho chính quyền địa phương, không giám định mà đi khám và tự điều trị tại nhà. Lý do không báo chính quyền địa phương vì nghĩ đến con, không muốn làm lớn chuyện, hơn nữa thời điểm bị đánh ở Bắc Giang nên không tiện báo chính quyền vì không thông thạo.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Mông Hạo T – Sinh ngày 29/8/2016. Khi ly hôn anh C1 là người trực tiếp nuôi con, còn tôi sẽ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.500.000đồng. Tôi không thể trực tiếp nuôi con vì lương không ổn định, không có tài sản hay nhà ở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Mông Văn C có đơn yêu cầu phản tố và trình bày:*

Tôi với chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng vào ngày 16/3/2016.

Quá trình chung sống vợ chồng: Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị B không trọng hôn nhân, thách thức tôi không nhà, không tài sản, lại bệnh tật nên chị B có mối quan hệ ngoài luồng và sau đó bỏ đi công ty. Từ khi chị B đi tôi có gọi và nhắn tin, lên nhà bố mẹ vợ để nói chuyện để vợ chồng tiếp tục chung sống và nuôi con nhưng kết quả không như mong muốn. Về việc chị B cho rằng tôi nhiều lần bạo lực và đánh đập chị B là không đúng, khi nóng giận tôi chỉ được tát chị B chứ không đánh đập gây thương tích cho chị B như những hình ảnh chị B đã gửi cho Tòa án, những thương tích đó không phải do tôi gây ra mà theo tôi được biết là do chị B bị tai nạn. Về tin nhắn chị B cung cấp có thể hiện tôi nhắn tin thừa nhận đánh chị B nghĩa là tôi được tát chị B. Tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Mông Hạo T sinh năm 2016. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì con sẽ ở với chị B, vì hiện tại tôi mắc bệnh thận hư đang phải điều trị ngoại trú tại Bệnh viện đa khoa tỉnh C từ năm 2019 đến nay vẫn đang điều trị. Về cấp dưỡng nuôi con tôi chỉ cung cấp cho con khoảng 1.000.000đồng/tháng.

Tôi có yêu cầu phản tố là trường hợp ly hôn tôi yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, cụ thể như sau: Yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu VISION mang biển kiểm soát số 11U1 213.77, tôi không rõ thời điểm mua là bao nhiêu tiền. Yêu cầu giải quyết về nợ chung của vợ chồng đối với khoản tiền vay 45.000.000đồng vay nợ của bà Mông Thị Đ (mẹ tôi), mục đích để mua thuốc men và nuôi con.

** Ý kiến của nguyên đơn Nông Thị Bích đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về tài sản chung, nợ chung như sau:* Đối với xe máy biển kiểm soát 11U1-213.77 tôi mua ngày 15/7/2023, đăng ký xe mang tên tôi, do tôi đi lại tiện hơn

nên tôi đăng ký hộ em gái tôi Nông Thị B1, còn tiền mua xe là tiền của bố tôi 10 triệu đồng và em gái tôi 20 triệu đồng. Chiếc xe này thực chất là của em gái tôi. Khi đi làm ở Bắc Giang thì xe này do em gái tôi sử dụng, hiện nay em gái tôi đã bán chiếc xe này cho người khác. Tôi chưa bao giờ quản lý chiếc xe này, xe hiện nay ở đâu, do ai quản lý tôi không biết. Về việc anh C yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng đối với số tiền 45 triệu vay của bà Mông Thị Đ (mẹ đẻ anh C) tôi không đồng ý vì yêu cầu của anh C không có thật, không có căn cứ.

Đối với việc anh C cho rằng tôi ngoại tình, có quan hệ với người đàn ông khác, tôi hoàn toàn bác bỏ, tôi không có quan hệ ngoại tình. Anh C cung cấp một số tin nhắn tôi có nhắn nội dung như có quan hệ với người đàn ông khác, thực chất tôi cố tình nhắn như vậy để chấm dứt mối quan hệ với anh Mông Văn C, để anh C không làm phiền tôi nữa, chứ thực tế tôi không có quan hệ với người đàn ông nào khác.

** Ý kiến của cháu Mông Hạo T:* Con đang học lớp 2 ở Trường tiểu học B2, xã H, hiện nay con đang ở với bố Mông Văn Cảnh. Trường hợp bố mẹ không chung sống với nhau nữa thì con có nguyện vọng được ở với mẹ Nông Thị Bích .

** Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Thị B1:* Tôi với chị B là hai chị em ruột, tôi là em. Năm 2023 tôi có mua một chiếc xe máy VISION, nhưng do tôi không hay về quê và không thành thạo việc mua bán xe nên tôi nhờ chị B đứng tên mua hộ, đăng ký hộ tôi. Chiếc xe này là tiền của tôi 20 triệu và một phần tiền khác tôi mượn bố tôi. Từ năm 2023 tôi là người quản lý, sử dụng xe máy. Sau đó, tôi đã bán chiếc xe này cho một chị làm công nhân cùng tôi quê ở Sơn La vào đầu tháng 6 năm 2024. Việc mua bán có lập giấy viết tay, tôi đã đưa cho người mua cầm giấy mua bán và toàn bộ giấy tờ xe. Hiện nay chị mua xe đã chuyển đi làm chỗ khác nên tôi không còn liên lạc được.

** Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Văn K:* Năm 2023 con tôi là Nông Thị Bích mượn tôi số tiền 10 triệu đồng, nhưng thực chất là cho Nông Thị Biện mượn. Số tiền đó tôi cho con tôi là Nông Thị Biện M để mua xe, nhưng do B1 không hay về quê nên đã cho B cầm và mua xe giúp, đứng tên xe giúp. Khi đưa tiền chỉ có tôi và con tôi Nông Thị Bích biết. Tiền này là do tôi tích lũy được. Hiện nay số tiền này đã được con tôi là Nông Thị B1 trả lại

cho tôi đầy đủ.

** Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mông Thị Đ:* Tôi là mẹ ruột của C và là mẹ chồng của B. Sau khi kết hôn C và B ở chung với gia đình tôi, nhưng cách đây hai năm đã ra ở riêng, ở nhà cũ của gia đình tôi. Từ năm 2021, B đi làm công ty cho đến nay không về. C và cháu T mặc dù ở riêng nhưng vẫn sang ăn chung với tôi. Tôi có cho C vay số tiền 45 triệu đồng (một đợt cho vay 20 triệu đồng, một đợt cho vay 25 triệu đồng). Thời gian tôi cho C vay tôi không nhớ cụ thể, chỉ nhớ là sau thời gian B đi Công ty. Khi C vay tiền tôi có nói mục đích là để khám bệnh, mua thuốc do bị viêm cầu thận và nuôi con. Khi cho C vay tiền không làm văn bản gì vì là hai mẹ con. Cảnh mượn tiền tôi B đi làm Công ty nên không biết. Thời gian đầu B đi làm vẫn gửi tiền về cho C nhưng sau khi mâu thuẫn B không gửi tiền về nữa nên C mới mượn tiền của tôi. Trường hợp B và C ly hôn tôi đề nghị hai vợ chồng có trách nhiệm trả cho tôi số tiền trên.

** Ý kiến của ông Nông Văn D - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nông Thị B, chị Nông Thị B1 và ông Nông Văn K trình bày:*

Tôi nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị B, do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B cho chị B được ly hôn với anh C. Về yêu cầu phản tố của anh C là không có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do chị B là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho chị B.

** Ý kiến của bà Lý Thị N -Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Mông Văn C và bà Mông Thị Đ trình bày:*

Về việc chị B khai bị anh C bạo lực là không có căn cứ, nay anh C vẫn mong muốn vợ chồng cùng đoàn tụ để nuôi dạy con chung, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn xin ly hôn của chị B. Nếu trong trường hợp đơn ly hôn của chị B được chấp nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết yêu cầu phản tố của anh C theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hôn nhân gia đình số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã Căn cứ vào: Điều 91;

Điều 147; Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị Bích đối V anh Mông Văn C.

2. Về án phí: Chị Nông Thị B thuộc trường hợp là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp án phí. Chị B được trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002328 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2024 nguyên đơn Nông Thị B có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án hôn nhân gia đình số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn-ông Nông Văn D trình bày thống nhất với ý kiến của chị Nông Thị B (được trình bày tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm của chị B): Chị B có hình ảnh bị đánh chảy máu, bầm tím; có tin nhắn thừa nhận bị đơn đánh chị B nhiều lần; có văn bản trả lời của UBND xã nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú trả lời nguyên nhân mâu thuẫn là “anh C nhiều lần đánh đập chị B” như vậy theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của tôi đã đủ căn cứ để ly hôn.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn Mông Văn C giữ nguyên như ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Lý Tuyết N1 có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và cung cấp bản luận cứ, giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi xem xét không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nông Thị Bích . Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn nộp trong thời hạn luật định, thuộc trường hợp được miễn án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của các Đương sự.

Nội dung kháng cáo: Chị Nông Thị Bích Mong M1 được ly hôn với anh Mông Văn C vì chị B cho rằng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, không thể khắc phục được.

Quá trình nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Theo bản tóm tắt hồ sơ bệnh án do Bệnh viện đa khoa tỉnh C thì anh M2 Văn Cảnh bị Hội chứng thân hư đã lâu, hiện đang điều trị ngoại trú lấy thuốc điều trị hàng tháng. Bệnh nhân điều trị bệnh mạn tính, hết năm đến làm bệnh án mới.

Tại Công văn số 58/CV-UBND ngày 26/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q cho thấy: Gia đình anh M2 Văn Cảnh thuộc diện hộ gia đình cận nghèo, kinh tế không ổn định. Anh C có bệnh trong người, thỉnh thoảng đi bệnh

viện khám, chữa bệnh. Về nguyên nhân mâu thuẫn, Công an xã không nhận được thông tin nào báo đến xã, vì trong hai năm nay do chị B đi làm Công ty ngoài tỉnh, không thấy về nhà, việc gây bạo lực đánh đập Công an viên, Trưởng xóm, tổ chức đoàn thể xóm, chính quyền xã không được tiếp nhận thông tin nào, do đó chính quyền xã không có tổ chức hòa giải góp ý đối với vợ chồng anh C và chị B.

Xét về quá trình chung sống của vợ chồng, sau khi kết hôn đến cuối năm 2022 tình cảm vợ chồng vẫn hòa thuận hạnh phúc. Sau khi cưới một thời gian, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chị B đã đi làm Công ty ở tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu, chị B vẫn gửi tiền về để anh C chăm lo cho con. Đến tháng 12 năm 2022, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên phải sống xa nhau nên đã phần nào ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng vì không thể trực tiếp quan tâm, chăm sóc cho nhau được. Chị B xin ly hôn với lý do nhiều lần bị anh C bạo lực và đánh đập thấy rằng: Đối với 05 bản ảnh chụp thương tích do chị B cung cấp cho thấy chị B bị đa chấn thương tại vùng đầu, mặt, chân. Xét thấy, chị B không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện nguyên nhân dẫn tới thương tích là gì? Ai là người gây ra thương tích? Địa điểm xảy ra thương tích cụ thể là ở đâu của tỉnh Bắc Giang? nên không có căn cứ để xác định anh C là người đã gây ra các thương tích như lời khai của chị B. Đối với việc chị B cố ý nhấn tin thừa nhận như có mối quan hệ với người đàn ông khác mục đích làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn để nhanh chóng được chấm dứt mối quan hệ với anh C là không phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa, việc chị B cố ý nhấn tin như vậy cũng là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến mối quan hệ vợ chồng vì đã tạo nên sự nghi ngờ, hiểu nhầm lẫn nhau. Ngoài ra, trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vẫn chưa được ai hòa giải lần nào. HĐXX Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn có thể khắc phục được nên Tòa án khuyên các bên quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Tòa án sơ thẩm bác đơn yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị Bích L có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Nông Thị B là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên không phải chịu

án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Nông Thị Bích . Giữ nguyên quyết định của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Nông Thị Bích K1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- CCHADS huyện Quảng Hòa;
- TAND huyện Quảng Hòa;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngôn Ngọc Viên